

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Câu 1: Một "không gian sinh thái" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển gọi là

- A. nơi ở. B. ổ sinh thái. C. sinh cảnh. D. giới hạn sinh thái.

Câu 2: Trong quá trình hình thành quần thể thích nghi, chọn lọc tự nhiên có vai trò

- A. tạo ra các kiểu gen thích nghi.
B. tạo ra các kiểu hình thích nghi.
C. sàng lọc và giữ lại những cá thể có kiểu gen quy định kiểu hình thích nghi.
D. ngăn cản sự giao phối tự do, thúc đẩy sự phân hoá vốn gen trong quần thể gốc.

Câu 3: Mỗi gen cấu trúc gồm 3 vùng trình tự nuclêôtit: vùng điều hoà, vùng mã hoá và vùng kết thúc. Vùng mã hoá

- A. mang thông tin mã hoá các axit amin.
B. mang tín hiệu khởi động và kiểm soát phiên mã.
C. mang tín hiệu kết thúc phiên mã.
D. mang tín hiệu kết thúc dịch mã.

Câu 4: Một quần thể giao phối có thành phần kiểu gen ở thế hệ xuất phát là $0,36AA + 0,48Aa + 0,16aa = 1$. Tần số alen A và a lần lượt là

- A. 0,7 và 0,3. B. 0,6 và 0,4. C. 0,2 và 0,8. D. 0,5 và 0,5.

Câu 5: Cừu Đôly được tạo ra bằng kỹ thuật

- A. cấy truyền phôi. B. nhân bản vô tính.
C. gây đột biến nhân tạo. D. chuyển gen.

Câu 6: Vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ấm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều. Đây là dạng biến động số lượng cá thể

- A. không theo chu kì. B. theo chu kì ngày đêm.
C. theo chu kì mùa. D. theo chu kì nhiều năm.

Câu 7: Loài lúa mì (*Triticum aestivum*) có bộ nhiễm sắc thể $6n = 42$ được hình thành bằng cơ chế

- A. cách li địa lí. B. lai xa kèm đa bội hoá.
C. cách li sinh thái. D. cách li tập tính.

Câu 8: Người đầu tiên đưa ra học thuyết về sự tiến hoá của sinh giới là

- A. Lamac. B. Đacuyn. C. Mendel. D. Moocgan.

Câu 9: Ở động vật, để nghiên cứu mức phản ứng của một kiểu gen nào đó cần tạo ra các cá thể

- A. có kiểu hình giống nhau. B. có cùng kiểu gen.
C. có kiểu hình khác nhau. D. có kiểu gen khác nhau.

Câu 10: Trong trường hợp các gen nằm trên các nhiễm sắc thể khác nhau, cơ thể có kiểu gen $aaBbCcDd$ khi giảm phân có thể tạo ra tối đa số loại giao tử là

- A. 8. B. 2. C. 4. D. 16.

Câu 11: Biện pháp nào sau đây **không** được sử dụng để bảo vệ vốn gen của loài người?

- A. Tăng cường sử dụng thuốc hoá học (thuốc trừ sâu, diệt cỏ) trong sản xuất nông nghiệp.
B. Tạo môi trường sạch nhằm hạn chế các tác nhân đột biến.
C. Liệu pháp gen.
D. Tư vấn di truyền và sàng lọc trước sinh.

Câu 12: Theo quan niệm của Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của vật nuôi và cây trồng là

- A. biến dị cá thể. B. chọn lọc tự nhiên.
C. chọn lọc nhân tạo. D. chọn lọc nhân tạo và chọn lọc tự nhiên.

Câu 13: Trong các loại nuclêôtit cấu tạo nên phân tử ADN **không** có

- A. Timin (T). B. Uraxin (U). C. Adênin (A). D. Guanin (G).

Câu 14: Nguyên nhân gây bệnh pheninkêto niệu ở người là do một loại

- A. đột biến lệch bội. B. đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.
C. vi khuẩn. D. đột biến gen.

Câu 15: Một trong những phương pháp được sử dụng để làm biến đổi hệ gen của cơ thể sinh vật là

- A. cấy truyền phôi. B. nhân bản vô tính.
C. đưa thêm một gen lạ vào hệ gen. D. lai tế bào xôma.

Câu 16: Trong phép lai một tính trạng do một gen quy định, nếu kết quả phép lai thuận và lai nghịch khác nhau, con lai luôn có kiểu hình giống mẹ thì gen quy định tính trạng nghiên cứu

- A. nằm trên nhiễm sắc thể thường. B. nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X.
C. nằm ở ngoài nhân (trong ti thể hoặc lục lạp). D. nằm trên nhiễm sắc thể giới tính Y.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây về tần số hoán vị gen là đúng?

- A. Tần số hoán vị gen không vượt quá 50%.
B. Tần số hoán vị gen lớn hơn 50%.
C. Tần số hoán vị gen luôn bằng 50%.
D. Các gen nằm càng gần nhau trên một nhiễm sắc thể thì tần số hoán vị gen càng cao.

Câu 18: Trong hệ sinh thái, nhóm sinh vật đóng vai trò phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ trả lại môi trường là

- A. động vật ăn thịt. B. động vật ăn thực vật.
C. thực vật. D. vi khuẩn hoại sinh và nấm.

Câu 19: Diễn thế nguyên sinh

- A. xảy ra do hoạt động chặt cây, đốt rừng,... của con người.
B. khởi đầu từ môi trường đã có một quần xã tương đối ổn định.
C. thường dẫn tới một quần xã bị suy thoái.
D. khởi đầu từ môi trường chưa có sinh vật.

Câu 20: Trong chọn giống thực vật, khi sử dụng consixin để tạo giống mới có năng suất cao sẽ **không** có hiệu quả đối với

- A. khoai tây. B. củ cải đường. C. dâu tằm. D. lúa.

Câu 21: Bản chất quy luật phân li của Mendel là

- A. sự phân li đồng đều của các alen về các giao tử trong quá trình giảm phân.
B. sự phân li kiểu hình ở F_2 theo tỉ lệ 3 : 1.
C. sự phân li kiểu hình ở F_2 theo tỉ lệ 1 : 2 : 1.
D. sự phân li kiểu hình ở F_2 theo tỉ lệ 1 : 1 : 1 : 1.

Câu 22: Ví dụ nào dưới đây là cơ quan tương đồng?

- A. Vòi voi và vòi bạch tuộc. B. Cánh chim và cánh côn trùng.
C. Ngà voi và sừng tê giác. D. Cánh dơi và tay người.

Câu 23: Hiệu suất sinh thái là

A. tỉ lệ phần trăm năng lượng bị tiêu hao (chủ yếu qua hô hấp) giữa các bậc dinh dưỡng trong hệ sinh thái.

- B. tỉ lệ phần trăm chuyển hóa năng lượng giữa các bậc dinh dưỡng trong hệ sinh thái.
C. tỉ lệ phần trăm chuyển hoá vật chất giữa các bậc dinh dưỡng trong hệ sinh thái.
D. tỉ lệ phần trăm năng lượng chuyển hoá từ môi trường vào quần xã sinh vật trong hệ sinh thái.

Câu 24: Loại đột biến nào sau đây **không** phải là đột biến gen?

- A. Đột biến đảo đoạn nhiễm sắc thể. B. Đột biến thay thế một cặp nuclêôtit.
C. Đột biến thêm một cặp nuclêôtit. D. Đột biến mất một cặp nuclêôtit.

Câu 25: Nhân tố tiến hoá **không** làm thay đổi tần số alen nhưng lại làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể giao phối là

- A. di - nhập gen. B. đột biến.
C. các yếu tố ngẫu nhiên. D. giao phối không ngẫu nhiên.

- Câu 26:** Ở ruồi giấm, bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 8$. Số nhóm gen liên kết của loài này là
 A. 2. B. 6. C. 4. D. 8.
- Câu 27:** Đối tượng chủ yếu được Moocgan sử dụng trong nghiên cứu di truyền để phát hiện ra quy luật di truyền liên kết gen, hoán vị gen và di truyền liên kết với giới tính là
 A. bí ngô. B. đậu Hà Lan. C. ruồi giấm. D. cà chua.
- Câu 28:** Chuỗi pôlipeptit được tổng hợp ở tế bào nhân thực được mở đầu bằng axit amin
 A. foocmin mêtiônin. B. mêtiônin. C. triptôphan. D. prôlin.
- Câu 29:** Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở thể tam bội ($3n$)?
 A. Khả phổ biến ở thực vật, ít gặp ở động vật.
 B. Tế bào to, cơ quan sinh dưỡng lớn.
 C. Luôn có khả năng sinh giao tử bình thường, quả có hạt.
 D. Số lượng ADN tăng lên gấp bội.
- Câu 30:** Sự hợp tác chặt chẽ giữa hải quỳ và cua là mối quan hệ
 A. ức chế - cảm nhiễm. B. hội sinh.
 C. hợp tác. D. cộng sinh.
- Câu 31:** Ở cà chua, gen A quy định quả đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định quả vàng. Cho giao phấn giữa hai cây cà chua tứ bội đều có kiểu gen AAaa. Trong trường hợp giảm phân và thụ tinh bình thường, tỉ lệ phân li kiểu hình ở đời con là
 A. 3 quả đỏ : 1 quả vàng. B. 11 quả đỏ : 1 quả vàng.
 C. 35 quả đỏ : 1 quả vàng. D. 100% quả đỏ.
- Câu 32:** Theo quan niệm hiện đại, nguồn nguyên liệu chủ yếu của chọn lọc tự nhiên là
 A. biến dị tổ hợp. B. đột biến gen.
 C. đột biến nhiễm sắc thể. D. thường biến.
- Câu 33:** Trong một quần thể động vật giao phối, một gen có 2 alen A và a, gọi p là tần số của alen A và q là tần số của alen a. Quần thể được gọi là đang ở trạng thái cân bằng di truyền khi tỉ lệ các kiểu gen của quần thể tuân theo công thức:
 A. $p^2 + pq + q^2 = 1$. B. $p^2 + q^2 = 1$. C. $p^2 + 4pq + q^2 = 1$. D. $p^2 + 2pq + q^2 = 1$.
- Câu 34:** Trong bộ Linh trưởng, loài nào dưới đây có quan hệ họ hàng xa loài người nhất?
 A. Gôriلا. B. Vượn Gibbon. C. Đười ươi. D. Tinh tinh.
- Câu 35:** Ở một loài thực vật có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 24$, tế bào sinh dưỡng của thể ba ($2n + 1$) có số lượng nhiễm sắc thể là
 A. 26. B. 23. C. 24. D. 25.
- Câu 36:** Ở một loài thực vật, các gen quy định các tính trạng phân li độc lập và tổ hợp tự do. Cho cơ thể có kiểu gen AaBb tự thụ phấn, tỉ lệ kiểu gen aabb ở đời con là
 A. 1/16. B. 9/16. C. 2/16. D. 3/16.
- Câu 37:** Trong quan hệ cùng loài, hiện tượng liên rễ ở hai cây thông nhựa mọc gần nhau là ví dụ về mối quan hệ
 A. cạnh tranh. B. ức chế - cảm nhiễm.
 C. hội sinh. D. hỗ trợ.
- Câu 38:** Ở người, bệnh mù màu đỏ và lục do gen lặn (a) trên nhiễm sắc thể giới tính X quy định, không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể Y. Một trong các đặc điểm của bệnh này là
 A. thường gặp ở nam, hiếm gặp ở nữ. B. xuất hiện phổ biến ở nữ, ít xuất hiện ở nam.
 C. di truyền trực tiếp từ bố cho 100% con trai. D. chỉ xuất hiện ở nữ, không xuất hiện ở nam.
- Câu 39:** Môi trường sống của loài giun đũa ký sinh là gì?
 A. Môi trường trên cạn. B. Môi trường nước.
 C. Môi trường sinh vật. D. Môi trường đất.
- Câu 40:** Ở người, đột biến mất một phần vai dài nhiễm sắc thể số 22 có thể gây bệnh
 A. ung thư máu ác tính. B. bạch tạng.
 C. ung thư vú. D. máu khó đông.

----- HẾT -----